TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2018/DS-PT
Ngày 13 - 3 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết.

2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2017/TLPT-DS ngày 08/11/2017 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T - Sinh năm 1979, bà Bùi Thị Đ - Sinh năm 1982; đều trú tại: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Đều có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T2 - Sinh năm 1975, bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1979; đều trú tại: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Đều có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Hữu T3; trú tại: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ trình bày:

Vào năm 2008, vợ chồng ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ có nhận chuyển nhượng của ông Lại Văn M (hiện ông M không còn sinh sống tại địa phương, không biết hiện nay ông M đang sinh sống ở đâu) thửa đất số 01B, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.000m^2 (chiều ngang 20m, chiều dài 50m), đất tọa lạc tại thôn A,

xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; trên đất có 01 căn nhà. Ông T, bà Đ đã trả đủ tiền nhà, đất cho ông M nhưng chưa xuống ở ngay do ông M xin ở lại căn nhà trên khoảng một tháng để thu xếp chỗ ở mới để chuyển đi. Nhưng vài hôm sau, khi vợ chồng ông T, bà Đ đến thăm nhà thì không thấy vợ chồng ông M ở đó nữa nên không kịp chỉ ranh giới đất với các hộ xung quanh, trong đó có ranh giới đất với gia đình ông Trần Văn T2 và bà Nguyễn Thị H. Lúc vợ chồng ông T, bà Đ chuyển đến ở thì thấy ranh giới đất giữa nhà ông bà với đất nhà ông T2, bà H không có hàng rào ngăn cách; phía nhà ông T2, bà H đã làm nhà ở, chuồng dê và xây móng nhà phía trước; ranh giới giữa hai hộ chỗ lồi, chỗ lõm và chiều ngang đất nhà ông T, bà Đ không đủ 20m như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Năm 2015, vợ chồng ông T, bà Đ muốn xây hàng rào kiên cố, nên mời cán bộ địa chính xã về đo đạc để xác định ranh giới đất giữa hai hộ. Lúc đo đạc có mặt vợ chồng ông T2 và bà H, sau đó hai bên cùng nhau kéo dây cắm mốc để đường ranh giới giữa hai hộ được thẳng. Khi đo đạc thì phát hiện có một phần móng nhà, một phần chái nhà, nhà tắm và mái lợp chuồng dê mà ông T2, bà H xây dựng trước đó nằm trên đất của ông T, bà Đ. Sau khi hai gia đình cắm mốc xong, ông T và bà Đ tiến hành làm hàng rào và làm sân phơi. Ông T2 cũng ra đào móng nhà của ông T2 lên để ông T, bà Đ cùng với thợ xây hàng rào từ giáp vách nhà ông T2 ra đến đường giao thông nông thôn, kéo lưới B40, hàng rào xây cao 50cm, chiều dài hàng rào 17m.

Tiếp đến là phần chái nhà của ông T2, bà H lồi sang phía nhà ông T, bà Đ dài 9,7m; chiều rộng phía trước (phía đường giao thông nông thôn) là 0,8m; chiều rộng phía sau 1,5m; diện tích 11,16m^2. Kế tiếp là phần đất chưa xây dựng công trình gì, ông T2, bà H kéo lưới B40 từ mép nhà tắm đến mép chuồng dê nhà ông T2, bà H có chiều dài 11,3m. Tiếp theo là chuồng dê nhà ông T2, bà H; rồi đến phần đất ông T, bà Đ kéo lưới B40 đến cuối vườn là 14m, phần hàng rào lưới B40 này và mép chuồng dê thẳng hàng với nhau theo hàng rào B40 ở phía trước mà vợ chồng ông T, bà Đ mới xây dựng (phía giáp đường giao thông nông thôn). Phần mái lợp chuồng dê nhà ông T2, bà H lợp trùm sang đất nhà vợ chồng ông T, bà Đ, chiều dài 5m, chiều rộng 0,6m; diện tích là 11,2m^2.

Vợ chồng ông T2, bà H hứa nhiều lần nhưng vẫn không chịu tháo dỡ, di dời mà còn làm đơn tố cáo cán bộ địa chính xã. Sau này, các cơ quan ban ngành của huyện B về xác minh lại thực địa, đo đạc và cắm mốc, thì phần diện tích và các cạnh tiếp giáp đúng như bản đồ giải thửa, Ủy ban nhân dân xã H đã mời hai gia đình lên làm việc và hòa giải nhưng không thành. Sự việc này làm ảnh hưởng nhiều tới sinh hoạt của gia đình ông bà. Do đó, ông T, bà Đ khởi kiện yêu cầu

Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết buộc gia đình ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H di dời, tháo dỡ phần chái nhà có diện tích 11,16 m^2 và mái lợp chuồng dê diện tích 11,2m^2 để trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông bà, để ông bà xây dựng hàng rào thẳng hàng theo diện tích đất được cấp như sơ đồ bản vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 207905 do UBND huyện B cấp ngày 06/7/2009 cho hộ ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2006, vợ chồng ông T2, bà H có mua lại lô đất diện tích 1.000m^2 của ông Nguyễn Hữu T3, đất của ông T3 có nguồn gốc do được chia năm 1999. Khi bàn giao lô đất, ông T3 có chỉ ranh giới cùng với hộ ông Lại Văn M là thửa đất giáp ranh. Ngày 11/9/2006, hộ ông T2, bà H được Uỷ ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 956685, thửa đất số 01A, tờ bản đồ 13, diện tích 1.000m^2. Sau đó, ông T2, bà H làm nhà sinh sống ổn định, không có tranh chấp với ai cho đến khi vợ chồng ông T, bà Đ đến sinh sống sát bên. Ông T, bà Đ yêu cầu ông bà tháo dỡ phần chái nhà bếp và phần mái lợp chuồng dê để trả lại đất thì ông bà không đồng ý vì phần chái nhà bếp và phần mái lợp chuồng dê đều nằm trên đất nhà ông T2, bà H; ông bà đã xây dựng từ năm 2006 là từ trước khi ông T, bà Đ đến ở; ông T2, bà H sinh sống ổn định, không có tranh chấp với ai.

Khi ông T, bà Đ mời địa chính xã về đo đạc và cắm mốc ranh giới đất thì ông bà không đồng ý, nhưng do cán bộ địa chính xã hù dọa nên ông bà cũng cho qua chuyện, ông bà có phản ứng nhưng không quyết liệt và không làm đơn lên Ủy ban xã đề nghị giải quyết. Khi ông T, bà Đ đào móng nhà của ông T2, bà H lên để xây hàng rào thì ông T2 cũng ra bê dọn mấy viên gạch xếp vào đống cho gọn, chứ ông T2 không trực tiếp đào móng nhà của ông T2 lên. Ông T2, bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Đ trả lại phần đất đã lấy của ông bà để làm sân và xây hàng rào, chiều dài từ ngoài đường vào đến mép nhà ông T2, bà H là 17m, chiều rộng phía ngoài đường là lm, chiều rộng ngay mép nhà ông T2, bà H là 0,8m, có diện tích 15,3m^2 và bồi thường phần móng nhà đã đào lên để làm hàng rào.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Hữu T3 trình bày:*

Vào năm 2006, do không có nhu cầu sử dụng nên ông đã chuyển nhượng thửa đất số 01A, tờ bản đồ số 13, diện tích l.000m^2 cho vợ chồng ông T2, bà H. Nguồn gốc đất do ông T3 được Nhà nước cấp 1.000m^2, cùng thời điểm ông được cấp đất có 04 hộ, thửa đất bên cạnh được cấp cho ông Lê Văn H2, sau này ông H2 chuyển nhượng cho ông Lại Văn M, rồi ông Lại Văn M chuyển nhượng cho

ông T, bà Đ. Khi ông T3 đến ở lô đất này thì xung quanh vẫn còn để đất hoang chưa ai đến làm, nên ông phát dọn ước lượng chiều ngang giáp đường lớn là 20m và chiều dài giáp đường nhỏ là 50m. Khi ông M đến ở có hỏi ông ranh giới đất hai hộ như thế nào thì ông T3 có nói ông M cứ nhắm đại chừng 1.000m^2 được cấp mà làm. Khi ông T3 chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông T2, bà H, ông chỉ chuyển nhượng 1.000m^2 như trong GCNQSDĐ được cấp, còn ranh giới hàng cây rừng giữa hai hộ khi ấy chỉ là tạm bợ, không phải là ranh giới chính xác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 97, 100, 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 180, 236 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ. Buộc ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ các tài sản sau để trả lại đất cho ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ, gồm:

+ Phần chái nhà của ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H xây dựng lồi sang đất nhà ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ diện tích 11,16m^2, gồm: Nhà tắm móng xây gạch và vữa xi măng Max 50, tường xây gạch ống cao l,8m, nền láng xi măng Max 50, mái lợp tôn; chái bếp có móng xây gạch ống, nền láng xi măng, tường bằng ván cao 2,lm, mái lợp tôn, xây dựng năm 2006.

+ Phần diện tích mái lợp chuồng dê của nhà ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phủ sang đất nhà ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ, diện tích 11,2m^2. Phần mái lợp chuồng dê diện tích 0,6m x 0,8m = 0,48m^2, gồm 72 viên ngói, 07 đoạn thanh xà gỗ dài 0,6m, tiết diện 0,4m x 0,8m, xây dựng năm 2006.

Tổng giá trị tài sản: 4.214.845 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ phải tháo dỡ phần hàng rào phía trước mà ông T, bà Đ đã xây hàng rào và làm sân phơi, để trả lại diện tích 15,3m^2 mà ông Thành bà Được đã xây hàng rào và làm sân phơi. Trị giá 5.926.652 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ bồi thường phần móng nhà đã tháo dỡ để xây hàng rào và làm sân phơi.

Về án phí: Ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 29926 ngày 03/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2017, bị đơn ông Trần Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông: Tòa án cấp sơ thẩm và cán bộ địa chính đã xem xét, thẩm định tại chỗ không khách quan, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nguồn gốc đất của hộ ông T2, bà H là của ông Nguyễn Hữu T3 và đất của hộ ông T, bà Đ là của ông Lê Văn Hạ (Ông H2 chuyển nhượng đất cho ông Lại Văn M). Ông Nguyễn Hữu T3 và ông M khi đến ở đã khai hoang, phát dọn hai lô đất nói trên nhưng chỉ ước chừng diện tích đều là 1.000m^2 (20m x 50m). Đến năm 2006, hộ ông T2, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2009 hộ ông T, bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là 1.000m^2 (20m x 50m), được cấp theo giấy tờ chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Hữu T3 và ông M. Từ năm 2006 đến trước năm 2015 (Là thời điểm xảy ra tranh chấp đất với ông T, bà Đ), thì ông T2, bà H không có khiếu nại hay ý kiến gì về ranh giới, mốc giới và diện tích đất khi UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T2, bà H và hộ ông T, bà Đ.

Mặc dù ông T2, bà H đã đến sinh sống, làm nhà và lợp mái chuồng dê từ năm 2006 là trước khi ông T, bà Đ đến sinh sống. Nhưng đến năm 2015 khi ông T, bà Đ mời chính quyền địa phương tới đo đạc lại đất để xác định rõ ranh giới giữa hai nhà

đã thể hiện phần chái nhà và một phần mái lợp chuồng dê của ông T2, bà H lấn qua đất nhà ông T, bà Đ. Khi ông T, bà Đ đào móng nhà ông T2, bà H lên để xây hàng rào thì ông T2, bà H cũng không phản đối hay ý kiến gì, thậm chí còn giúp gia đình ông T trong việc xây hàng rào. Ông T2, bà H cho rằng ông bà có khiếu nại ngay lúc móng nhà bị đào nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đến ngày 23/8/2016 ông T2 mới có đơn khiếu nại gửi UBND xã H, huyện B (Bút lục 15). Như vậy, ông T2, bà H đã mặc nhiên thừa nhận ranh giới, mốc giới giữa hai hộ gia đình do chính quyền địa phương tiến hành đo đạc lại vào năm 2015, mốc giới này cũng xác định rõ phần đất của ông T2, bà H đủ 20m chiều rộng và không bao gồm khoảng 1m chiều rộng của con đường. Do đó, ông T2 kháng cáo cho rằng mốc giới đất đã bị cán bộ địa chính xã tự ý xê dịch là không có cơ sở; ông T2 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh khi nhận chuyển nhượng 1.000m^2 từ ông Nguyễn Hữu T3 đã có 1,1m chiều rộng của con đường. Mặt khác, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2017 và sơ đồ mô tả ranh giới, mốc giới kèm theo (Bút lục 55-56c) cho thấy ở phía Đông của hai lô đất tranh chấp, diện tích đất của ông T2, bà H đang sử dụng có chiều ngang phía trước dài 21m, tức dư 1m; diện tích đất của ông T, bà Đ có chiều ngang phía trước dài 19m, tức thiếu 1m. Kết quả này là phù hợp với kết quả đo đạc, kiểm tra diện tích đất của chính quyền địa phương khi giải quyết tranh chấp, phù hợp với nội dung khởi kiện của ông T, bà Đ cho rằng ông T2, bà H đã lấn chiếm đất của ông bà. Đồng thời, ông T2, bà H thừa nhận đã ký vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2017 nói trên của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông và không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc biên bản này bị Thẩm phán Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án và cán bộ địa chính sửa chữa, xê dịch mốc giới, ranh giới đất.

Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành đo đạc lại phần đất tranh chấp giữa hai bên theo đề nghị của ông T2, bà H. Nhưng trong thời gian tạm ngừng phiên tòa ông T2, bà H không có ý kiến, đề nghị gì và cũng không nộp chi phí để thực hiện nên cấp sơ thẩm đã tiếp tục giải quyết vụ án (Các bút lục số 83, 87, 88) là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông T2 là không có căn cứ chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn T2;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

[2] *Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ. Buộc ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ các tài sản sau để trả lại đất cho ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ, gồm:

+ Phần chái nhà của ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H xây dựng lồi sang đất nhà ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ diện tích 11,16m^2, gồm: Nhà tắm móng xây gạch và vữa xi măng Max 50, tường xây gạch ống cao l,8m, nền láng xi măng Max 50, mái lợp tôn; chái bếp có móng xây gạch ống, nền láng xi măng, tường bằng ván cao 2,lm, mái lợp tôn, xây dựng năm 2006.

+ Phần diện tích mái lợp chuồng dê của nhà ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phủ sang đất nhà ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ, diện tích 11,2m^2. Phần mái lợp chuồng dê diện tích 0,6m x 0,8m = 0,48m^2, gồm 72 viên ngói, 07 đoạn thanh xà gỗ dài 0,6m, tiết diện 0,4m x 0,8m, xây dựng năm 2006.

Tổng giá trị tài sản: 4.214.845 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ phải tháo dỡ phần hàng rào phía trước mà ông T, bà Đ đã xây hàng rào và làm sân phơi, để trả lại diện tích 15,3m^2 mà ông Thành bà Được đã xây hàng rào và làm sân phơi. Trị giá 5.926.652 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ bồi thường phần móng nhà đã tháo dỡ để xây hàng rào và làm sân phơi.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn T, bà Bùi Thị Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 29926 ngày 03/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT mà ông T2 đã nộp theo biên lai thu số 0001731 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Krông Bông;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần